

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-3-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Hùng Hạnh;

Bà Phùng Thị Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 200/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm Sơn Đài, xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- Bị đơn: Anh Bùi Xuân Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm Sơn Đài, xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05-12-2022, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh Bùi Xuân Q tự nguyện tìm hiểu đã được UBND xã H, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16-5-2014. Sau ngày cưới vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do mâu thuẫn về kinh tế và bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Xuân Q. Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Anh Đ, sinh ngày 28-3-2015, hiện đang ở với chị.

Tại bản tự khai ngày 28-12-2022 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi Xuân Q trình bày: Anh và chị Trần Thị N tự nguyện kết

hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16-5-2014. Mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, anh cũng không rõ vì lý do gì mà chị N ly hôn. Vợ chồng sống ly thân khoảng 4 năm nay và chị N bế con về nhà ngoại ở từ cuối năm 2022. Chị N có đơn khởi kiện ly hôn, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị N và anh Q thống nhất khai: Vợ chồng có một con chung là Bùi Anh Đ, sinh ngày 28-3-2015, hiện đang ở với chị N; ly hôn chị N và anh Q đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu phải cấp dưỡng.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14-02-2023, cháu Bùi Anh Đ có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại biên bản làm việc ngày 07-02-2023, đại diện chính quyền địa phương, cơ sở xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cung cấp: Chị Trần Thị N và anh Bùi Xuân Q được Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16-5-2014, mâu thuẫn giữa chị N và anh Q là do hai bên không hợp nhau; vợ chồng có 01 con chung là Bùi Anh Đ, sinh ngày 28-3-2015, vợ chồng không vướng mắc gì về kinh tế đối với địa phương. Nay chị N có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Trần Thị N ly hôn anh Bùi Xuân Q. Về con chung: Giao chị Trần Thị N nuôi con chung là Bùi Anh Đ, sinh ngày 28-3-2015. Anh Bùi Xuân Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Bùi Xuân Q tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định vào ngày 16-5-2014 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do mâu thuẫn về kinh tế và bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân. Chị N xin ly hôn, anh Q không đồng ý nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Q mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị N được ly hôn với anh Q là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị N và anh Q có 01 con chung là Bùi Anh Đ, sinh ngày 28-3-2015; xét thấy cháu Đ hiện ở cùng mẹ; vì vậy căn cứ vào nguyện vọng của đương sự và để đảm bảo ổn định cho việc học tập, sự phát triển tốt nhất của con chung nên giao cho chị N nuôi con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N, không

yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị N và anh Bùi Xuân Q.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị N nuôi con chung là Bùi Anh Đ, sinh ngày 28-3-2015 cho tới khi con đủ 18 tuổi. Anh Bùi Xuân Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N, nhưng anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng. Chị N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0000323 ngày 15-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; nay chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị N, anh Bùi Xuân Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã H;
- Lại hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thanh Lâm

